

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 2 TUY PHƯỚC

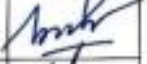
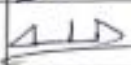
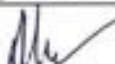
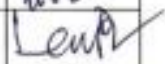
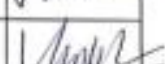
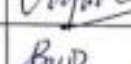
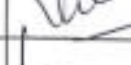
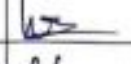
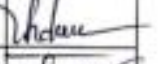
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023-2024

BÌNH ĐỊNH - NĂM 2024

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT SỐ 2 TUY PHƯỚC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2023-2024

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
01	Lê Xuân Phong	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
02	Dương Ngọc Hạnh	Phó Bí thư Chi bộ, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
03	Phan Thị Bích	Chi ủy viên, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
04	Phạm Gia Quyền	Chi ủy viên, Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên HĐ	
05	Trần Thế Thi	Chi ủy viên, Thư ký HĐ trường	Thư ký HĐ	
06	Đinh Tấn Toàn	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên HĐ	
07	Lê Ngọc Phương	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên HĐ	
08	Trần Văn Dũng	Thanh tra nhân dân, Tổ trưởng CM	Ủy viên HĐ	
09	Võ Lê Hải Phương	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên HĐ	
10	Bùi Thị Thanh Hòa	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên HĐ	
11	Nguyễn Lưu Lễ	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên HĐ	
12	Lê Thị Thanh Tâm	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên HĐ	
13	Lê Sử	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên HĐ	
14	Võ Thị Hồng Diệu	Tổ trưởng Văn phòng	Ủy viên HĐ	
15	Man Thị Thuận	Giáo viên – Phụ trách CNTT	Ủy viên HĐ	

BÌNH ĐỊNH - NĂM 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	3
1.Kết quả đánh giá	3
1.1. Đánh giá tiêu chí.....	3
1.2. Kết quả: Đạt Mức độ 2	4
2. Kết luận: Đạt mức độ 2.....	4
I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên	5
2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số:.....	6
3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin.....	8
II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	10
1. Tình hình chung của nhà trường.....	10
1.1. Quá trình thành lập	10
1.2. Vị trí pháp lý; chức năng, nhiệm vụ.....	10
1.3. Cơ sở vật chất; quy mô trường lớp	10
1.4. Những thuận lợi, khó khăn	12
2. Mục đích tự đánh giá.....	13
3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.....	13
3.1. Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện	13
3.2. Công tác tự đánh giá của các thành viên trong đơn vị:.....	14
3.3. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG.....	15
B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ	16
1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học.....	16
Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến.....	16
Tiêu chí: 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến	18
Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến	20
Tiêu chí: 1.4. Số lượng học liệu được số hóa.....	22
Tiêu chí 1.5: Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	24
Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số (Tối đa 20 điểm)	25
Tiêu chí: 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học.....	27

2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục.....	29
Tiêu chí 2.1:Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.....	30
Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	31
Tiêu chí: 2.3 Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường.	33
Tiêu chí: 2.4 Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến	35
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	39

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chuỗi ký tự viết tắt	Cụm từ viết đầy đủ
1	CBGVNV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
2	CBQL	Cán bộ quản lý
3	CDS	Chuyển đổi số
4	CLPTGD	Chiến lược phát triển giáo dục
5	CMHS	Cha mẹ học sinh
6	CNTT, TĐ CNTT	Công nghệ thông tin, Trình độ công nghệ thông tin
7	CSTĐ	Chiến sỹ thi đua
8	CSVC	Cơ sở vật chất
9	GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
11	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
12	HĐKL	Hội đồng kỷ luật
13	HĐSP	Hội đồng sư phạm
14	HĐTĐG	Hội đồng tự đánh giá
15	HĐTĐKT	Hội đồng Thi đua khen thưởng
16	HNDN	Hướng nghiệp-dạy nghề
17	HT	Hiệu trưởng
18	NGLL	Ngoài giờ lên lớp
19	PCGD	Phổ cập giáo dục
20	PHHS	Phụ huynh học sinh
21	PHT	Phó hiệu trưởng
22	PPDH	Phương pháp dạy học
23	TĐG	Tự đánh giá

24	TĐKT	Thi đua khen thưởng
25	THCS	Trung học cơ sở
26	THPT	Trung học phổ thông
27	THTT-HSTC	Trường học thân thiện-Học sinh tích cực
28	TNCS	Thanh niên cộng sản

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm Tiêu chí: Chuyển đổi số trong dạy, học			
Tiêu chí 1.1. Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến.	Đạt yêu cầu		
Tiêu chí 1.2. Có ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến.	Đạt yêu cầu		
Tiêu chí 1.3. Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến.		X	
Tiêu chí 1.4. Số lượng học liệu được số hóa			X
Tiêu chí 1.5. có tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính		X	
Tiêu chí 1.6. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số			X
Tiêu chí 1.7. Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học.		X	
Nhóm tiêu chí: Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			
Tiêu chí 2.1. Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.	Đạt yêu cầu		
Tiêu chí 2.2. Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.	Đạt yêu cầu		

Tiêu chí 2.3.Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường.		X	
Tiêu chí 2.4. Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến.		X	

1.2. Kết quả: Đạt Mức độ 2

2. Kết luận: Đạt mức độ 2

I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: **Tỉnh Bình Định**

Huyện/quận /thị xã /thành phố: **Huyện Tuy Phước**

Xã/phường/thị trấn: **Xã Phước Quang**

Trường THPT số 2 Tuy Phước

Điện thoại: (0256) 3 831 366

Website: thptso2tuyphuoc.edu.vn

Đạt mức độ chuyển đổi số: mức 2

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Học sinh

Khối	Số học sinh	Ghi chú
Khối 10	378	10 lớp
Khối 11	340	9 lớp
Khối 12	361	9 lớp
Cộng	1079	28 lớp

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện nay là 54 người.

	Tổng số	Trình độ đào tạo			Ghi chú
		Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	1	1	
Phó hiệu trưởng	2	0	2	2	
Giáo viên	45	0	46	18	
Nhân viên	6	4	2	0	
Cộng	54	4	51	21	

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số:

TT	Họ và Tên	Môn dạy	Số ĐTDD	Địa chỉ Mail	TĐ CNTT	Ghi chú
1	Nguyễn Lưu Lễ	Toán	0906582608	nguyenluule@gmail.com	ĐH TIN	
2	Bùi Thị Ngọc Hân	Toán	0987147068	btn.han.tp2@gmail.com	CB	
3	Võ Thị Khánh Điệp	Toán	0382168775	vothikhanhdiiep@gmail.com	CB	
4	Lê Xuân Phong	Toán	0934166999	lexuanphong07@gmail.com phonglx@sgddt.binhding.gov.vn	CB	
5	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	Toán	0363763492	giaubinhding1993@gmail.com	CB	
6	Lê Thị Yến Ly	Toán	0898230884	lethienly94@gmail.com	CB	
7	Võ Lê Hải Phương	Văn	0763670245	volehaiphuong@gmail.com	CB	
8	Huỳnh Thị Phương Thảo	Văn	0937019966	thaohuynhquynhon@gmail.com	CB	
9	Bùi Thị Thu Tâm	Văn	0392674917	thutamtuypuoc2@gmail.com	CB	
10	Nguyễn Thị Như Hiệp	Văn	0368416486	ntnhiiep1997@gmail.com	CB	
11	Đào Phương Nhân	Văn	0985952440	daophuongnhan06121997@gmail.com	CB	
12	Bùi Thị Thanh Hòa	Anh văn	0788528755	buiithithanhhoa571@gmail.com	CB	
13	Nguyễn Thị Thanh Phương	Anh văn	0934823244	nguyenthithanhphuong82@gmail.com	CB	
14	Võ Thị Cẩm Hà	Anh văn	0914615699	vocamha1105@gmail.com	CB	
15	Huỳnh Thị Kim Vui	Anh văn	0396512693	huynhkimvui242@gmail.com	CB	
16	Nguyễn Khánh Hiệp	Anh văn	0389931462	khanhhiiep1109@gmail.com	CB	
17	Dương Ngọc Hạnh	Lý	0905519815	duongngochanhbd@gmail.com hanhndn@sgddt.binhding.gov.vn	CB	
18	Lê Ngọc Phương	Lý	0336462198	ngocphuongle3@gmail.com	CB	
19	Lê Thị Trinh Nương	Lý	0982126516	lttn79@gmail.com	CB	
20	Trần Thế Thi	Lý	0905567656	thethitp2@gmail.com	CB	
21	Lưu Thị Thanh Thúy	Lý	0766577586	thanhthuytp287@gmail.com	CB	
22	Võ Thị Thu Hà	Lý	0979574348	thuha01071206@gmail.com	CB	
23	Ngô Thị Anh Thư	CN Lý	0986114761	anhthu86kctn@gmail.com	CB	
24	Huỳnh Vi Kiều	CN Lý	0328819389	kieuhuynhvui@gmail.com	CB	
25	Phan Thị Bích	Hóa	0987132605	ptbich75@gmail.com bichpt@sgddt.binhding.gov.vn	CB	

26	Nguyễn Thị Thu Hân	Hóa	0987025900	hannguyen262@gmail.com	CB	
27	Võ Thị Ngọc Diễm	Hóa	0374606202	vongocdiemsphk32@gmail.com	CB	
28	Đỗ Thị Bích Hoanh	Hóa	0382151951	bichhoanh1988@gmail.com	CB	
29	Lê Thị Thanh Tâm	Sinh	0812033044	thanhtamle446@gmail.com	CB	
30	Tạ Thị Như Nguyệt	Sinh	0976526275	tanguyet2011@gmail.com	CB	
31	Vũ Thị Bình	CN Sinh	0364306636	vuthibinh tinh@gmail.com	CB	
32	Trần Văn Dũng	Sử	0914955767	tranvandungtp2@gmail.com	CB	
33	Đinh Tấn Toàn	Sử	0382633270	<u>nootoan@gmail.com</u>	CB	
34	Đặng Quan Sứ	GD CD	0772493551	<u>quansudang@gmail.com</u>	CB	
35	Phạm Thị Thu Quyên	GD CD	0969579965	<u>quyenpc03@gmail.com</u>	CB	
36	Đặng Thị Xuân Thảo	Địa	0975065221	xuanthao307@gmail.com	CB	
37	Phan Công Lập	Địa	0976808077	<u>pclsgu@gmail.com</u>	CB	
38	Trần Thị Thắm	Địa	0327080095	Tranthithamtpbd@gmail.com	CB	
39	Phạm Quốc Đại	Tin	0904444189	quocdaipham@gmail.com	ĐH TIN	
40	Trần Thị Phương Hảo	Tin	0774452500	phuonghaotp2@gmail.com	ĐH TIN	
41	Man Thị Thuận	Tin	0387029580	manthuantp2@gmail.com	ĐH TIN	
42	Lê Sử	T.Dục	0914380173	<u>lesu9999@gmail.com</u>	CB	
43	Phạm Hồng Trọng	T.Dục	0905600167	bosstrongtp2@gmail.com	CB	
44	Nguyễn Thị Khánh Ly	T.Dục	0378791836	khanhlytp2020@gmail.com	CB	
45	Nguyễn Tống Hoàng	T.Dục	0989817009	nguyentonghoang88@gmail.com	CB	
46	Nguyễn Văn Kiên	GDQP	0868529777	songtudo88@yahoo.com.vn	CB	
47	Bùi Hồng Quý	GDQP	0916012677	buihongquy90@gmail.com	CB	
48	Phạm Gia Quyên	Â. Nhạc	0914380170	phamgiaquyen72@gmail.com	CB	
49	Võ Thị Hồng Diệu	Y tế	0349764895	hongdiuqd1209@gmail.com	CB	
50	Bùi Ái Thi	Kế toán	0976626296	<u>ai thi0808@gmail.com</u>	CB	

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

- Phòng học: Có 28 phòng, trong đó:

+ 24 phòng học được lắp các thiết bị sau:

STT	Mô tả thiết bị và thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/phòng
1.	Màn hình tivi LG, Samsung 55 inch	Chiếc	01
2.	Kết nối Internet	LAN	01
3.	Bảng chống lóa	Chiếc	01
4.	Kệ đựng sách	Chiếc	01

+ 04 phòng học được lắp các thiết bị được lắp thiết bị như sau: Mỗi phòng được lắp như sau

STT	Mô tả thiết bị và thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng/phòng	Ghi chú
1	Tivi Samsung	Chiếc	1	
2	Camera	Chiếc	1	
3	Modem Wifi	Chiếc	1	
4	Hệ thống âm thanh: Loa tích hợp micro không dây.	Chiếc	1	
5	Dây VGA	Dây	1	

6	Đế 3 chân	Chiếc	1	
---	-----------	-------	---	--

- Phòng Tin học: Có 02 phòng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cơ bản như bàn ghế, máy tính, mạng Internet, mạng LAN...

STT	Tên thiết bị	Số lượng
1	Máy tính bàn cố định	92
2	Hệ thống mạng Internet, LAN	01

- Phòng Ngoại ngữ: Có 02 phòng được trang bị Bảng tương tác và loa, các thiết bị hỗ trợ dạy học Ngoại ngữ.
- Có Smart Tivi có thể di chuyển phục vụ các hoạt động dạy và học.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ.

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Quá trình thành lập

Trường THPT số 2 Tuy Phước (tên cũ là trường PTTH Tuy Phước 2) được thành lập theo quyết định số 977/QĐ-UB ngày 31/08/1982 của UBND tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Bình Định) nhằm phục vụ việc học tập con em nhân dân 4 xã Phước Quang – Phước Hưng – Phước Hòa – Phước Thắng và được xây dựng trên địa bàn thôn Lương Quang, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Đến năm 2014 thực hiện Công văn số 1096/SGDDĐT-TCCB, ngày 24 tháng 07 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định về việc triển khai Quyết định thành lập trường THPT số 3 Tuy Phước; từ đó nhà trường trực tiếp giảng dạy học sinh các xã Phước Hưng – Phước Quang và 5 thôn của xã Phước Hiệp (Lục Lễ, Tuần Lễ, Đại Lễ, Luật Chánh, Tú Thủy).

Học sinh của trường thuộc địa bàn nông thôn đời sống kinh tế còn khó khăn, nhà xa trường nhưng vẫn hiếu học. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Trường luôn được sự quan tâm của chính quyền địa phương các cấp và Sở Giáo dục Đào tạo Bình Định.

1.2. Vị trí pháp lý; chức năng, nhiệm vụ

Trường THPT số 2 Tuy Phước thuộc loại hình trường Công lập có hệ Công lập tự chủ. Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, nhà trường không ngừng phát triển về qui mô trường lớp và chất lượng giáo dục; đội ngũ giáo viên ngày càng ổn định, đủ biên chế theo định mức toàn trường và từng môn học; cơ sở vật chất được đầu tư thích đáng; cảnh quan nhà trường khang trang, cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy học và các hoạt động giáo dục khác trong tình hình mới.

Trường THPT số 2 Tuy Phước thực hiện những nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

Hiện nay, Trường THPT số 2 Tuy Phước có nhiệm vụ giảng dạy học sinh các xã Phước Hưng, Phước Quang và 5 thôn của xã Phước Hiệp (Lục Lễ, Tuần Lễ, Đại Lễ, Luật Chánh, Tú Thủy).

1.3. Cơ sở vật chất; quy mô trường lớp

Cơ sở vật chất được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, các phòng học văn hóa; các phòng thực hành Vật lý-CN, Hóa học, Sinh-CN, Tin học, phòng học bộ môn, trang thiết bị phục vụ dạy và học tương đối đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, cơ bản đáp ứng yêu

cầu dạy học và các hoạt động giáo dục khác trong tình hình hiện tại. Trường hiện có 28 phòng học, 02 phòng thực hành Tin học, 01 phòng thực hành Lý-CN, 01 phòng thực hành Hóa học, 01 phòng thực hành Sinh-CN; Thư viện có sách giáo khoa, sách tham khảo tương đối đầy đủ và nhiều loại báo chí, tạp san đáp ứng nhu cầu tham khảo cho giáo viên và học sinh. Hệ thống máy tính được trang bị đầy đủ; 02 phòng học có gắn máy tính tương tác, 04 phòng học có trang bị thiết bị dạy học trực tuyến và 22 phòng học có gắn tivi 43 inch màn hình Led, 5 phòng có tivi 50 inch dùng để dạy giáo án điện tử; kết nối mạng wifi toàn trường. Trường có phòng làm việc của Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, văn thư, kế toán, y tế, phòng họp Hội đồng, phòng Đoàn Thanh niên. Nhà trường đã kết nối wifi trong khu vực trường đảm bảo yêu cầu thúc đẩy ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học. Trường đầu tư xây dựng các phòng làm việc riêng cho các tổ chuyên môn và phòng đa chức năng đầy đủ. Diện tích khuôn viên của nhà trường 16.581 m², bình quân 15,32 m²/HS, có tường rào cổng ngõ kiên cố; 03 dãy phòng học nhà cấp 3A, gồm 34 phòng; có khu văn phòng, phòng sinh hoạt các tổ chuyên môn, kho đựng dụng cụ. Có khu vệ sinh dành cho giáo viên, học sinh.

Nhà trường có đủ các tổ chức theo quy định: Chi bộ đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Có 7 tổ chuyên môn: Tổ Ngữ văn, tổ Toán, tổ Tiếng anh, tổ Lý-CN, tổ Hóa-Sinh, tổ Sử-Địa-GDKT PL, tổ Tin-Thể dục-GDQPAN và tổ Văn phòng. Các tổ chức, đoàn thể ngày càng được củng cố, kiện toàn và hoạt động có hiệu quả.

Nhà trường đã và đang từng bước trưởng thành về mọi mặt, luôn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý, hoạt động chuyên môn và giáo dục toàn diện học sinh; tổ chức tốt các phong trào thi đua; thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước và Ngành giáo dục. Chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường được nâng lên, kết quả thi tốt nghiệp THPT bình quân 4 năm trên 95%, trên mặt bằng chung của tỉnh; tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng hằng năm được nâng lên; Tỷ lệ học sinh lớp 12 đỗ nguyện vọng 1 vào các trường Đại học, Cao đẳng hằng năm trên 80%; có 42 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa trong 5 năm, có 2 học sinh đạt giải Tin học trẻ không chuyên cấp tỉnh; HS giỏi cấp Quốc gia: 1HS đạt giải ba môn Lịch sử, tham gia Cuộc thi KHKT cấp Quốc gia đạt 01 giải tư, cấp tỉnh đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì, 03 giải ba, 03 giải tư. Thi sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Bình Định năm 2021 đạt 01 giải ba.

Công tác chuyên môn luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, hằng năm được đầu tư bổ sung nhiều trang thiết bị đáp ứng tốt công việc dạy và học; nhà trường đã có nhiều biện pháp nhằm nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng kỷ cương, nề nếp trong dạy và học; đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục, đổi mới kiểm tra đánh

giáo; thường xuyên thao giảng, dự giờ, xem đây là một trong những biện pháp tốt để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và rèn luyện tay nghề cho đội ngũ cán bộ, giáo viên. Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, sinh hoạt chuyên môn do cấp trên tổ chức; các hội thi do Sở GDĐT tổ chức.

Mặt khác, công tác chủ nhiệm, công tác quản lý học sinh, hoạt động giáo dục NGLL, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức thường xuyên theo chủ điểm, đảm bảo nội dung chương trình và đã thu được một số kết quả đáng kể góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, nâng cao tỷ lệ học sinh đỗ đại học, cao đẳng hàng năm; Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục truyền thống lịch sử, giáo dục pháp luật, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục môi trường,... thường xuyên được coi trọng, lồng ghép trong các hoạt động giáo dục, tích hợp trong các môn học đồng thời gắn với các nội dung của phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị tiếp tục “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý và dạy học”. Ngoài ra, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và có kết quả khá tốt.

Toàn trường có 28 lớp, 1079 học sinh. Trong đó khối 10 có 10 lớp, 378 học sinh; khối 11 có 09 lớp, 340 học sinh; khối 12 có 09 lớp, 361 học sinh.

Có 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó có 21/45 (46,6%) giáo viên có trình độ Thạc sĩ; Có 19/45 (42,22%) giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp tỉnh. Cán bộ quản lý và nhân viên đều đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định.

1.4. Những thuận lợi, khó khăn

Đảng và Nhà nước và các cấp chính quyền quan tâm; điều kiện kinh tế - xã hội của huyện nhà tiếp tục ổn định và phát triển; công tác giáo dục ngày càng được Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định, các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan ban ngành, đoàn thể đặc biệt quan tâm; nhận thức của cha mẹ HS đối với việc học tập của con em mình đã được nâng lên; các điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học trong nhà trường được đầu tư tương đối đầy đủ, Đó là những thuận lợi cơ bản để nhà trường thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc.

Tuy nhiên, Trường vẫn còn một số khó khăn nhất định, một bộ phận cha mẹ HS chưa thật sự quan tâm đầu tư vào việc học tập của con em mình; đội ngũ GV, NV chưa đồng bộ về cơ cấu, còn thiếu, đa phần còn trẻ, ít nhiều còn thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy; hầu hết HS có điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, có nhà ở

cách xa trường.

2. Mục đích tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo “Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên” được ban hành tại Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để đánh giá công tác chuyển đổi số của nhà trường trong năm học. Lập hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của đơn vị theo lộ trình đánh giá mức độ chuyển đổi số.

Lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chuyển đổi số nói riêng và chất lượng của nhà trường nói chung; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt các mức độ kiểm định chất lượng giáo dục.

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện

Với sự phát triển không ngừng của công nghệ, chuyển đổi số có vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trong đó, xác định Giáo dục là một trong 8 lĩnh vực cần được ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trước tiên. Việc chuyển đổi số trong giáo dục thành công sẽ giúp thay đổi nhận thức nhanh nhất, mang lại hiệu quả, tiết kiệm chi phí, góp phần thúc đẩy tiến trình xây dựng Xã hội số. Có hai nội dung chính cần tập trung trong việc chuyển đổi số, đó là: Chuyển đổi số trong quản lý và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá.

Năm học 2023-2024, nhà trường xác định tập trung đầu tư, tạo điều kiện cho “Ba trụ cột”: Chuyển đổi số - Đội ngũ giáo viên - dạy học Ngoại ngữ để toàn ngành phát triển và hội nhập. Với một trong ba nội dung, lĩnh vực Chuyển đổi số tiếp tục được đặt lên hàng đầu. Nối tiếp những thành tựu đã đạt được, xác định chuyển đổi số trong trường THPT sẽ hỗ trợ đổi mới GD&ĐT theo hướng giảm thuyết giảng, truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học, tăng khả năng tự học, tạo cơ hội học tập cho học sinh mọi lúc, mọi nơi, cá nhân hóa việc học, góp phần tạo ra xã hội học tập và học tập suốt đời. Sự bùng nổ của nền tảng số đang hình thành nên hạ tầng giáo dục số. Theo đó, nhiều mô hình giáo dục thông minh đang được phát triển trên nền tảng ứng dụng CNTT; hỗ trợ đắc lực việc cá nhân hóa học tập (mỗi học sinh một giáo trình và một phương pháp học tập riêng không giống với người khác, việc này do các hệ thống CNTT thực hiện tự động); làm cho việc truy cập kho kiến thức khổng lồ trên môi trường mạng được nhanh chóng, dễ dàng; giúp việc tương tác giữa gia đình, nhà trường, giáo viên, học sinh gần như thường xuyên và tức thời.

Nhà trường tiến hành quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường các văn bản chỉ đạo các cấp về ứng dụng CNTT, CDS thông qua các cuộc họp VC-NLĐ, qua các trang thông tin nội bộ: mail, trang chính quyền điện tử, Zalo, Signet

Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2023-2024. Xây dựng và ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2023-2024.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2023-2024.

3.2. Công tác tự đánh giá của các thành viên trong đơn vị:

Ban hành quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2023-2024 kèm theo danh sách Hội đồng tự đánh giá chuyển đổi số và phân công nhiệm vụ cụ thể hội đồng tự đánh giá chuyển đổi số.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2023-2024.

+ Hội đồng tiến hành tự đánh giá dựa trên các hồ sơ, minh chứng cụ thể và ghi chép biên bản đầy đủ, đúng quy định.

+ Hoàn thiện báo cáo công tác triển khai việc đánh giá mức độ chuyển đổi số.

- + Ra quyết định phê duyệt kết quả tự đánh giá số
- + Việc lưu hồ sơ, minh chứng được sắp xếp đóng quyển thành 2 bộ: lưu tại nhà trường và báo cáo Sở GDĐT Bình Định.

3.3. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Trong thời gian qua, trường THPT số 2 Tuy Phước cũng đã từng bước tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên và học sinh về chuyển đổi số. Hiện tại nhà trường đã đăng ký cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên chương trình học tập chuyển đổi số. Nhà trường đã trang bị 28 phòng học có Tivi, máy tính kết nối internet để phục vụ cho việc dạy và học, sử dụng 02 đường truyền internet tốc độ cao để phủ sóng wifi trong toàn trường tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng CNTT trong dạy và học; sử dụng các phần mềm trong quản lý, trong công tác kế toán tài chính, quản lý CSVC, sử dụng phần mềm QM (Quiz Marker) để bài chấm thi trắc nghiệm chung toàn trường; nhà trường đã tập huấn cho toàn thể giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Teams, Google Meet, Classroom để dạy học trực tuyến,... Tuy nhiên, nhìn chung nhiều thầy cô còn yếu kỹ năng công nghệ thông tin, chưa thành thạo sử dụng nhiều phần mềm mới để hỗ trợ trong dạy, học và kiểm tra đánh giá; cơ sở dữ liệu của nhà trường còn quản lý manh mún trên nhiều hệ thống, chưa có một phần mềm chung để quản lý toàn bộ quy trình, hoạt động của nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ

Mở đầu

Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học nhằm phân tích, đánh giá các kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, việc ban hành kế hoạch dạy học trực tuyến; triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến; số lượng học liệu được số hoá; tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số; hạ tầng thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học.

1. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Tiêu chí 1.1: Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến

1. Mô tả hiện trạng

Năm học 2023-2024, nhà trường ban hành Quyết định số 06/QĐCĐS-TP2 ngày 16/9/2023 về việc ban hành Quy chế dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến trường THPT số 2 Tuy Phước, xây dựng Kế hoạch số 03 /KHDH-TP2 ngày 15 tháng 9 năm 2023 về việc dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp áp dụng theo Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định quản lý tổ chức dạy học trực tuyến đối với cơ sở giáo dục phổ thông. Phối hợp với phụ huynh triển khai các hoạt động giáo dục trực tuyến đảm bảo tổ chức dạy học trực tuyến an toàn và hiệu quả trên môi trường mạng. Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học trong đó có ít nhất 5% số tiết của mỗi môn được dạy học trực tuyến. [H1-1.1-01]. [H1-1.1-02]. [H1-1.1-03]

+ Ban Quyết định số 01/QĐHĐT-TP2 ngày 08 tháng 09 năm 2023 về việc phê duyệt Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024. Trong đó có nội dung dạy học trực tuyến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; thực hiện chuyển đổi số trong GDĐT đáp ứng tình hình thực tiễn của nhà trường. [H1-1.1-04]

+ Kế hoạch số 02 ngày 10/9/2023 về việc xây dựng kho học liệu số năm học 2023-2024. [H1-1.1-05].

Nội dung kế hoạch dạy học trực tuyến triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT.

2. Điểm mạnh:

BGH nhà trường luôn chú trọng công tác Chuyển đổi số trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị. Nhà trường đã xây dựng các Kế hoạch thực hiện tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2023-2024 đảm bảo các nội dung quy định của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của Sở GDĐT. Thực hiện kế hoạch với nội dung thiết thực phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của nhà trường. Có 100% giáo viên nắm vững các kỹ năng, tiến trình dạy học trực tiếp kết hợp với dạy học trực tuyến. Kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 của nhà trường có nội dung tổ chức dạy học trực tuyến hoặc dạy học trực tiếp kết hợp dạy học trực tuyến trong giảng dạy các bộ môn;

Nhà trường có hợp đồng với nhà mạng VNPT và Viettel để triển khai kết nối mạng đến từng phòng học và phòng làm việc, đảm bảo thuận lợi cho quá trình làm việc và dạy học trực tuyến; đảm bảo cho phòng thực hành tin học được trang bị máy tính có kết nối mạng để phục vụ việc dạy và học thực hành môn tin học trong nhà trường. Thành lập bộ phận phụ trách công tác chuyển đổi số của đơn vị, nòng cốt là các đồng chí có chiều sâu về kiến thức, kỹ năng CNTT.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có kiến thức khá đồng đều về CNTT và luôn đề cao, chú trọng công tác chuyển đổi số. Nhiều đồng chí tích cực đầu tư để tự học, tự bồi dưỡng nâng cao về kỹ năng CNTT, kiến thức chuyển đổi số, tích cực tìm tòi các ứng dụng phù hợp với công tác dạy học, đầu tư thiết bị tiên tiến để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có công tác chuyển đổi số.

3. Điểm yếu:

Đã thực hiện kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, tuy nhiên tiết dạy trực tuyến còn ít, chưa đảm bảo 5% số tiết của mỗi môn được dạy học trực tuyến. Việc thiết lập lưu hình ảnh minh chứng về các tiết dạy trực tuyến năm học 2023-2024 còn hạn chế.

Hệ thống máy tính trang bị cho phòng thực hành môn Tin học của nhà trường đã trang bị mới, nhưng có một số máy chỉ còn hoạt động cầm chừng, số lượng

còn sử dụng tạm được 80 máy; Ý thức của nhiều HS chưa cao, chưa tự giác trong quá trình học, nhiều phụ huynh chưa quan tâm và dành thời gian tìm hiểu hoạt động để chủ động trong công tác phối hợp với nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến:

Xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến có các giải pháp hữu hiệu hơn để đạt chỉ tiêu đề ra.

Tiếp tục tổ chức dạy học trực tuyến các môn hoạt động trải nghiệm, HĐGD cần phù hợp với thực tế tình hình, điều kiện, đặc trưng của nhà trường.

Tổ chức lưu trữ minh chứng về tổ chức dạy học trực tuyến khoa học hơn.

Đề xuất với cơ quan có thẩm quyền và huy động các nguồn lực phù hợp để đầu tư, tự trang bị đủ số lượng trang thiết bị tối thiểu để tổ chức dạy học trực tuyến và CDS trong dạy học;

Quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ về CNTT và chuyển đổi số.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu

Tiêu chí: 1.2: Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến

Ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (Ban hành kèm theo kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến hàng năm)

1. Mô tả hiện trạng (Mô tả theo từng mức đánh giá đối với từng chỉ số, có mã minh chứng kèm theo):

- Năm học 2023-2024, nhà trường đã ban hành Quyết định số 02 ngày 12 tháng 9 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh trường THPT số 2 Tuy Phước năm học 2023-2024.

Quyết định số 01/QĐCDS-TP2, ngày 12 tháng 09 năm 2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh trường THPT số 2 Tuy Phước năm học 2024-2025. **[H1-1.2-01]** . **[H1-1.2-02]**

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, thống kê giáo dục năm học 2023-2024; thực hiện đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số” giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030; thành lập Tổ công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2023-2024, trong đó có phân công, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong

Ban chỉ đạo nhằm quản trị, quản lý các hoạt động liên quan đến CNTT, CDS và công tác thống kê giáo dục của nhà trường.

Căn cứ Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến năm học 2023-2024, nhà trường đã ban hành Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh nhà trường đảm bảo các nội dung của Điều 15, Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT và bám sát vào các hướng dẫn của Sở Giáo dục.

Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến năm học 2023-2024. Quy chế ban hành đảm bảo các yêu cầu nội dung như:

- + Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;
- + Hình thức dạy học trực tuyến;
- + Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng), tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên và các bộ phận liên quan, học sinh, gia đình học sinh trong quá trình triển khai thực hiện;
- + Hình thức tổ chức lớp học trực tuyến;
- + Cách thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- + Quy định về quản lý, lưu trữ dữ liệu trong dạy học trực tuyến;

3. Điểm yếu:

Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định; Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh. Vì vậy, hiện nay vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử...) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập. Từ đó ảnh hưởng đến việc xây dựng quy chế tổ chức dạy học trực tuyến;

Nội dung quy chế còn chung chung chưa chỉ rõ cụ thể về chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến và cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến:

Tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên;

Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tích cực bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số;

Xây dựng quy chế tổ chức dạy học trực tuyến kịp thời bám sát các hướng dẫn chỉ đạo của cấp trên, phù hợp với điều kiện của đội ngũ, điều kiện về cơ sở vật chất của đơn vị. Quy chế cần nêu rõ và cụ thể hơn về chế độ làm việc đối với giáo viên dạy học trực tuyến và cách thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu.

Tiêu chí 1.3: Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến

Mức độ 1: Dưới 10 điểm. Có triển khai hệ thống, chưa áp dụng cho toàn trường, các chức năng không đầy đủ hoặc ít khai thác. Dữ liệu sử dụng ít.

Mức độ 2: Từ 10 -20 điểm. Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức từ trung bình trở lên.

Mức độ 3: Trên 20 điểm. Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng đầy đủ. Dữ liệu sử dụng hệ thống ở mức khá trở lên.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Tại thời điểm tự đánh giá nhà trường có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: Google Meet, Zoom, Microsoft Team.

Mức 2:

Từ năm 2020, nhà trường đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, phụ trách công nghệ thông tin nhà trường triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp như Google Meet, Zoom, Microsoft Team.... Tập huấn, hướng dẫn cho giáo viên sử dụng để tổ chức dạy học. Năm học 2023-2024, các giáo viên thường xuyên sử

dụng để tổ chức các lớp học trực tuyến nhằm dạy bù cho học sinh trong các đợt nghỉ ngoại khóa, nghỉ lễ đảm bảo kịp tiến độ chương trình; tổ chức ôn tập, củng cố kiến thức cho học sinh... [H1-1.3-01]

Mức 3:

Tại thời điểm tự đánh giá nhà trường có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: Google Meet, Zoom, Microsoft Team

Đánh giá: Có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng hệ thống ở mức khá trở lên.

2. Điểm mạnh

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có triển khai hệ thống, đã áp dụng cho toàn trường, các chức năng tương đối đầy đủ. Dữ liệu sử dụng đối với đơn vị ở mức từ trung bình trở lên. Xây dựng được kế hoạch hoạt động khoa học, rõ ràng, bám sát kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, phát huy có hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục và bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên trong tổ.

3. Điểm yếu

Việc triển khai phần mềm dạy học trực tuyến chưa thể hiện rõ trên kế hoạch giáo dục của 1 số nhóm chuyên môn.

Một số giáo viên chưa triển khai thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 - 2025, tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn trong chuyển đổi số cho tất cả giáo viên trong nhà trường bằng các hình thức: sinh hoạt chuyên đề, tăng cường sinh hoạt chuyên môn thông qua các phần mềm Google Meet, Zoom, Microsoft Team.

Phân công các giáo viên trẻ, giáo viên môn Tin học hỗ trợ, tập huấn thêm công nghệ thông tin cho các thành viên tổ; giáo viên có kinh nghiệm, chuyên môn tốt bồi dưỡng giúp đỡ những giáo viên mới vào nghề, năng lực còn hạn chế.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức độ 2

STT	Chỉ số	Điểm số
1	Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến	6

2	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS)	10
Tổng điểm: 16 - Đạt: Mức độ 2		

Tiêu chí: 1.4. Số lượng học liệu được số hóa

Mức độ 1: Dưới 4 điểm. Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.

Mức độ 2: Từ 4 - 6 điểm. Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.

Mức độ 3: Trên 7 điểm. Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học; kế hoạch triển khai thực hiện ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2023-2024; Hướng dẫn triển khai xây dựng kho học liệu số và dạy học trực tuyến phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị

Học liệu dạy học trực tuyến được xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: bài giảng đa phương tiện; hướng dẫn thí nghiệm, thực hành; phần mềm mô phỏng; hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá; tài liệu tham khảo, bổ trợ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Giáo viên nhà trường đã chủ động thiết kế các học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hoá, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc .

Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông phê duyệt . **[H1-1.1-04], [H1-1.4-02], [H1-1.1-03], [H1-1.4-04],[H1-1.4-05].**

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai tới toàn thể CB, GV, NV về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của đơn vị; Có kế hoạch tập huấn, hướng dẫn giáo viên các phần mềm, cách thức xây dựng học liệu số đảm bảo theo chương trình giáo dục phổ

thông, phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh đảm bảo theo quy định.

Hầu hết giáo viên trong nhà trường ứng dụng thành thạo CNTT và chuyển đổi số trong dạy học; chủ động thiết kế các học liệu dạy học trực tuyến phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh; bảo đảm tính khoa học, sư phạm và phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Học liệu dạy học trực tuyến sử dụng trong nhà trường đã được tổ chuyên môn thông qua và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt. Các học liệu điện tử đều được sử dụng trong quá trình giảng dạy với HS; được lưu trữ trong Drive của nhà trường; có đường Link cụ thể, được chia sẻ tới toàn bộ CB, GV, NV, rất thuận tiện cho việc lưu trữ, sử dụng, quản lý và kiểm tra.

Tổng học liệu số có chất lượng được tổ chuyên môn thông qua và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt trong năm học 2023-2024 là: 42 học liệu.

3. Điểm yếu:

Kĩ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học (kĩ năng khai thác và sử dụng các phần mềm để xây dựng học liệu số...) của một số giáo viên trong nhà trường còn chưa cao, đặc biệt là giáo viên lớn tuổi.

Số lượng học liệu được số hóa đã đảm bảo về số lượng, tuy nhiên chất lượng của 1 số học liệu còn sơ sài, chưa phong phú, thu hút, chưa đảm bảo theo quy định.

Việc khai thác học liệu số còn mang tính tự phát, chưa đồng bộ, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

4. Kế hoạch cải tiến:

Trong năm học 2024-2025 và trong các năm học tiếp theo để đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học, nhà trường cần phải đầu tư nhiều hơn vào cơ sở hạ tầng CNTT (tốc độ trường truyền của wifi, các thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử trong nhà trường) và đào tạo nhân lực chuyển đổi số.

Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng khối lớp về xây dựng học liệu đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên sử dụng các phần mềm, cách thức xây dựng học liệu số đảm bảo theo chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nội dung bài học, chủ đề học tập và hoạt động dạy, học.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
42 học liệu xây dựng	8
Tổng điểm: 8 - Đạt: Mức độ 3	

Tiêu chí 1.5: Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

Mức độ 1: Dưới 8 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai dưới 30% các môn có điều kiện đáp ứng.

Mức độ 2: Từ 8 - 14 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai được 60% các môn có điều kiện đáp ứng.

Mức độ 3: Trên 14 điểm. Có kế hoạch triển khai và đã triển khai trên 60% các môn có điều kiện đáp ứng.

1. Mô tả hiện trạng:

Có kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2023-2024 (có nội dung kiểm tra, đánh giá học tập trên phòng máy tính) **[H1-1.5.01]**

Hồ sơ dữ liệu thực tế trên hệ thống phần mềm triển **khai thi**, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính **[H1-1.5.02]**

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2023-2024 có nội dung kiểm tra, đánh giá học tập trên phòng máy tính.

3. Điểm yếu

Việc triển khai tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính chưa thể hiện rõ trên kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2023-2024, 02 phòng học tin học có 92 máy tính. Tuy nhiên một số máy tính đã cũ bắt đầu xuống cấp, lỗi thời và không đồng bộ nên việc quản lý phòng tin học gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo, bổ sung trang thiết bị phòng học tin học đảm bảo trang bị đủ máy tính cho giáo viên, học sinh phục vụ công tác giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng các phần mềm, ứng dụng phục vụ tổ chức thi, kiểm tra đánh giá trên máy tính. Huy động sự tham gia của các tổ chuyên môn trong công tác chỉ đạo các thành viên thực hiện theo kế hoạch của nhà trường.

Bộ phận phụ trách CNTT định kỳ rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục.

5. Tự đánh giá:

STT	Chỉ số	Điểm số
1	Có kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2023-2024 có nội dung kiểm tra, đánh giá học tập trên phòng máy tính.	9
2	Hồ sơ dữ liệu thực tế trên hệ thống phần mềm triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính.	0
Tổng điểm: 9 điểm		- Đạt: Mức độ 2

Tiêu chí 1.6: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số (Tối đa 20 điểm)

Mức độ 1: Dưới 8 điểm.

Mức độ 2: Từ 8 - 14 điểm.

Mức độ 3: Trên 14 điểm.

1. Mô tả hiện trạng:

Năm học 2023 – 2024, thực hiện các văn bản hướng dẫn của cấp trên, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai nội dung Chuyển đổi số trong dạy học đến toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường như:

100% Giáo viên có tài khoản trực tuyến trên hệ thống bồi dưỡng: Chương trình giáo dục phổ thông 2018, chương trình bồi dưỡng thường xuyên và các nội dung bồi dưỡng khác của Sở GDĐT tổ chức. **[H1-1.6-01]**

100% Giáo viên khai thác các phần mềm, công cụ, đồ dùng dạy học nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo các văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý, các khóa tập huấn hàng năm của sở giáo dục.

Học liệu dạy học trực tuyến được các Tổ chuyên môn xây dựng theo chương trình giáo dục phổ thông và phù hợp với nội dung bài học.

Giáo viên xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định tại Điều 7, Thông tư 09.[H1-1.4.04] .[H1-1.4.05]

2. Điểm mạnh

Tại thời điểm đánh giá, 100% giáo viên trong nhà trường có tài khoản trực tuyến trên hệ thống bồi dưỡng, đảm bảo khai thác các phần mềm hỗ trợ học tập và có Danh sách đường link của học liệu được sử dụng trong dạy học.

3. Điểm yếu

Việc triển khai phần mềm dạy học trực tuyến chưa thể hiện rõ trên kế hoạch giáo dục của nhóm chuyên môn.

Một số giáo viên chưa triển khai thường xuyên.

Hiện thiết bị của nhà trường còn chưa đủ để đảm bảo yêu cầu thực hiện việc xây dựng nguồn học liệu cũng như điều kiện kinh tế của nhiều gia đình học sinh còn khó khăn, nên việc triển khai còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tục tăng cường công tác bồi dưỡng năng lực chuyên môn trong chuyển đổi số cho tất cả giáo viên trong nhà trường bằng các hình thức: sinh hoạt chuyên đề, tăng cường sinh hoạt chuyên môn thông qua các phần mềm zoom; google meet

Phân công các giáo viên trẻ, giáo viên môn Tin học hỗ trợ, tập huấn thêm công nghệ thông tin cho các thành viên tổ; giáo viên có kinh nghiệm, chuyên môn tốt bồi dưỡng giúp đỡ những giáo viên mới vào nghề, năng lực còn hạn chế.

5. Tự đánh giá:

STT	Chỉ số	Điểm số
1	100% giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến.	5

2	100% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.	7
3	Giáo viên xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử theo quy định	3
Tổng điểm: 15 điểm - Đạt: Mức độ 3		

Tiêu chí: 1.7: Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học

Mức độ 1: Dưới 8 điểm.

Mức độ 2: Từ 8 - 14 điểm.

Mức độ 3: Trên 14 điểm.

1. Mô tả hiện trạng

100% các phòng học của nhà trường có thiết bị bảng tương tác, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet. Nhà trường xây dựng kế hoạch quản lý, sử dụng thiết bị, thiết bị phụ trợ trong đó thể hiện việc khai thác, sử dụng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Có sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn [H1-1.7.01].

Nhà trường có đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học có các thiết bị theo yêu cầu. Hóa đơn tiền tiền miền Web, thiết bị kết nối không dây.[H1-1.7.02]; [H1-1.7.03].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường tương đối đầy đủ. Hệ thống Internet, camera được lắp đặt 100% trên các lớp và toàn bộ trong khu vực nhà trường quản lý, phục vụ tốt cho công tác quản trị nhà trường.

Đa số các đồng chí Cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn tốt, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có chứng chỉ bồi dưỡng về Tin học đạt trình độ cơ bản trở lên.

Có đầy đủ Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học, Sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn được các giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao luôn hoàn thành tốt.

3. Điểm yếu:

Đội ngũ giáo viên tuy có trình độ được bồi dưỡng về tin học tương đối đầy đủ song việc ứng dụng, sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy vẫn còn nhiều hạn chế.

Hệ thống các phòng học bộ môn đã bắt đầu xuống cấp, phòng Tin học máy tính hay hư hỏng, các thiết bị tiên tiến thông minh trên các phòng học đã bắt đầu xuống cấp.

Nhà trường chưa phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).

Nhà trường chưa có hồ sơ cấp độ an toàn thông tin mạng.

4. Kế hoạch cải tiến:

Nhà trường ưu tiên dành các nguồn lực để đầu tư cho cơ sở vật chất, cải tạo hệ thống CNTT phục vụ cho công tác dạy và học.

Triển khai tập huấn kỹ năng sử dụng hệ thống dữ liệu, các phần mềm ứng dụng trong hoạt động giảng dạy tới giáo viên thuộc tổ chuyên môn.

Bộ phận phụ trách CNTT hàng tháng, quý, học kỳ, năm học rà soát và có kế hoạch đề nghị mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, CDS trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục;

5. Tự đánh giá:

STT	Chỉ số	Điểm số
1	Có 01 phòng học thông minh có màn hình bảng tương tác đầy đủ thiết bị dạy học và 28 phòng học có Tivi kết nối với máy tính, máy tính có kết nối internet.	8
2	Nhà trường có 02 phòng tin học đáp ứng 01 học sinh /01 máy để thực hiện nhiệm vụ học tập.	5
	Tổng điểm: 13 - Đạt: Mức độ 2	

Kết luận về nhóm tiêu chí chuyển đổi số trong dạy học:

Điểm mạnh:

Lãnh đạo nhà trường luôn chú trọng công tác Chuyển đổi số trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số của đơn vị.

Nhà trường có hợp đồng với nhà mạng VNPT và Viettel để triển khai kết nối mạng đến từng phòng học và phòng làm việc, đảm bảo thuận lợi cho quá trình làm việc và dạy học trực tuyến; đảm bảo cho phòng thực hành tin học được trang bị máy tính có kết nối mạng để phục vụ việc dạy và học thực hành môn tin học trong nhà trường. Thành lập bộ phận phụ trách công tác chuyển đổi số của đơn vị, lòng cốt là các đồng chí có chiều sâu về kiến thức, kỹ năng CNTT.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có kiến thức khá đồng đều về CNTT và luôn đề cao, chú trọng công tác chuyển đổi số. Nhiều giáo viên, nhân viên tích cực đầu tư để tự học, tự bồi dưỡng nâng cao về kỹ năng CNTT, kiến thức chuyển đổi số, tích cực tìm tòi các ứng dụng phù hợp với công tác dạy học, đầu tư thiết bị tiên tiến để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có công tác chuyển đổi số.

Điểm yếu:

Hệ thống phòng học được xây dựng từ trước năm 2000 đến nay đã có 1 số hạng mục bị xuống cấp, một số máy tính trang bị cho phòng thực hành môn Tin học của nhà trường đã cũ, nhiều máy chỉ còn hoạt động cầm chừng.

Tổng điểm nhóm tiêu chí 1: 61 điểm, Đạt mức độ 2**2. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục****Mở đầu**

Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục phân tích, đánh giá quá trình thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; triển khai phần mềm quản trị nhà trường; mức độ triển khai các dịch vụ trực tuyến như các ứng dụng kết nối gia đình và nhà trường, dịch vụ triển khai đầu cấp trực tuyến và dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.

Tiêu chí 2.1: Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của ngành Giáo dục về công tác chuyển đổi số trong các đơn vị sự nghiệp, đã triển khai xây dựng và ban hành: Quyết định thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2023-2024. Danh sách gồm thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại và phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, rõ trách nhiệm. Có phân công lãnh đạo phụ trách, rõ nội dung của cán bộ quản lý. [H2-2.1.01], [H2-2.1.02]

2. Điểm mạnh:

Việc thành lập Ban Chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong năm học 2023 – 2024 việc phân công phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nên những cá nhân được phân công đảm bảo năng lực, trình độ giúp nhà trường triển khai tốt việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. Số lượng thiết bị hiện đại của nhà trường (28 phòng học đều trang bị tivi thông minh trong đó có 4 phòng học trực tuyến, 2 phòng tin học).

Các đồng chí được phân công thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đều nhiệt tình trong công tác, có trình độ, năng lực chuyên môn vững vàng, có nhiều kinh nghiệm trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy; có tinh thần trách nhiệm cao.

3. Điểm yếu:

Hạ tầng trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến:

Trong năm học 2023-2024 nhà trường tiếp tục rà soát, ra quyết định kiện toàn phân công Tổ CNTT và CDS đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và học sinh.

Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông

tin, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.2: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã nghiêm túc triển khai công tác chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục theo chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT Bình Định. Cụ thể:

- Trong năm học 2023 – 2024 nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số với nội dung cụ thể, có phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện và tiêu chí đánh giá kết quả [H2-2.2-01]. [H2-2.2-02].

- Trong năm học 2023 – 2024 nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, thời gian thực hiện và tiêu chí đánh giá kết quả [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB-GV-NV), nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong việc ứng dụng CNTT vào công tác quản lý và dạy học.

- Đội ngũ CB-GV-NV có năng lực chuyên môn vững vàng và trình độ CNTT đảm bảo yêu cầu:

- + 100% CB-GV-NV đạt chuẩn kỹ năng CNTT; trong đó có 03 giáo viên tốt nghiệp đại học chuyên ngành CNTT, các giáo viên còn lại đều có chứng chỉ tin học ứng dụng theo quy định.

- + CB-GV-NV sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý, các phần mềm kiểm tra, chấm điểm trắc nghiệm, phần mềm quản lý thi, phần mềm báo cáo thống kê, phần mềm quản lý chất lượng giáo dục.

- + Công tác quản lý của nhà trường được thực hiện trên nền tảng công nghệ số: Quản lý hồ sơ học sinh, kết quả học tập, kỷ luật, thi đua... đều được số hóa và

lưu trữ trên hệ thống phần mềm quản trị; Quản lý hồ sơ CB-GV-NV được cập nhật định kỳ, khoa học và chính xác.

- Nhà trường thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn liên quan đến kỹ năng chuyển đổi số, khai thác và sử dụng thiết bị dạy học hiện đại: 100% CB-GV-NV tham gia và thực hiện an toàn trên môi trường internet, sử dụng lớp học thông minh, thiết bị tương tác.

- Việc ứng dụng công nghệ trong dạy học đã được triển khai hiệu quả:

- + Giáo viên thực hiện xây dựng giáo án điện tử, gửi và duyệt giáo án qua hệ thống trực tuyến.

- + Sổ điểm điện tử và học bạ điện tử thí điểm được áp dụng đồng bộ, giúp minh bạch hóa quá trình đánh giá học sinh.

- Hoạt động thanh toán học phí được thực hiện qua hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, thông qua ngân hàng liên kết.

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc các báo cáo thống kê theo yêu cầu của cấp trên bằng hình thức trực tuyến, đảm bảo đúng thời gian và dữ liệu chính xác

3. Điểm yếu

- Kho học liệu số của nhà trường hiện còn hạn chế về số lượng và chủng loại: Các tài nguyên như bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi, video minh họa bài học, thư viện sách điện tử... do giáo viên tự xây dựng hoặc chia sẻ còn ít và chưa được cập nhật thường xuyên.

- Cơ sở vật chất, thiết bị CNTT phục vụ cho việc khai thác học liệu số chưa đồng bộ: Hạ tầng mạng ở một số khu vực chưa ổn định, ảnh hưởng đến quá trình dạy học trực tuyến hoặc truy cập hệ thống phần mềm dùng chung.

4. Kế hoạch cải tiến

- Rà soát và điều chỉnh kế hoạch: Tiến hành đánh giá định kỳ việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi số, từ đó điều chỉnh nội dung, chỉ tiêu, lộ trình cho phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng của ngành.

- Bồi dưỡng năng lực số: Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu, bồi dưỡng thường xuyên và theo modun phù hợp với nhu cầu thực tiễn để nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho CB-GV-NV. Đặc biệt chú trọng đến kỹ năng xây

dụng học liệu số, sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy, kiểm tra đánh giá trực tuyến.

- Đầu tư hạ tầng công nghệ: Tăng cường trang bị máy tính, thiết bị trình chiếu, phòng học thông minh, nâng cấp đường truyền mạng nội bộ và internet đảm bảo đáp ứng yêu cầu dạy – học số.

- Phát triển học liệu số: Khuyến khích và hỗ trợ giáo viên tự xây dựng, sưu tầm và chia sẻ học liệu số có chất lượng. Xây dựng kho học liệu số dùng chung toàn trường, tích hợp trên nền tảng quản lý học tập. Triển khai mô hình “mỗi tổ chuyên môn một thư viện học liệu số”.

- Đổi mới phương pháp dạy – học: Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số trong dạy học, kiểm tra đánh giá. Từng bước triển khai các mô hình lớp học đảo ngược, học tập cá nhân hóa và học tập kết hợp. Triển khai học bạ số theo thời gian quy định của Sở GDĐT Bình Định.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí: 2.3 Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường.

Mức độ 1: Dưới 20 điểm.

Mức độ 2: Từ 20 -50 điểm.

Mức độ 3: Trên 50 điểm.

1. Mô tả hiện trạng:

Có ban hành quy chế sử dụng hồ sơ Hệ thống phần mềm quản trị nhà trường, có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CB, GV, NV. Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất, có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, có triển khai phân hệ quản lý kế toán, phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý). [H2-2.3-01] [H2-2.3-02] [H2-2.3-01]

Đường link, phần mềm, trang Web quản lý:

<https://vnedu.vn>;

<https://emisapp.misa.vn>;

<https://csdl.moet.gov.vn>, <https://quanlycbccvc.binhdingh.gov.vn>;

<https://quanlycbccvc.binhdingh.gov.vn>;

<https://thptso2tuyphuoc.edu.vn;>

<https://tvthptso2tuyphuoc.vuc.vn;>

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai tốt các phần mềm trong công tác quản lý, quản trị nhà trường, khả năng sử dụng phần mềm đáp ứng được các yêu cầu của công tác quản lý, quản trị trong nhà trường, đảm bảo tính chính xác linh hoạt. CBQL, giáo viên, nhân viên đều đáp ứng các yêu cầu về sử dụng phần mềm trực tuyến, thuận tiện cho công tác quản lý trong nhà trường. Nhà trường đã ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử, phân công nhiệm vụ các thành viên để quản lý các phần mềm trực tuyến, đảm bảo theo quy định.

Việc duy trì và sử dụng phần mềm quản lý trường học trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo an ninh, an toàn.

3. Điểm yếu:

Việc cập nhật thông tin trên phần mềm của giáo viên có cá nhân còn chậm so với quy định; cập nhật thông tin học sinh còn thiếu sót.

Việc sử dụng các tính năng trong các phân hệ được cấp còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến:

Trong những năm học tiếp theo tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng quản lý và sử dụng phần mềm trên cơ sở các phân hệ đã mở đảm bảo đúng quy định, an toàn; tiếp tục nghiên cứu và mở thêm các phân hệ khác và khai thác một các hiệu quả phục vụ cho công tác quản lý trong nhà trường.

Quản trị trong nhà trường thực hiện tốt các quy định trong việc sử dụng và quản lý hồ sơ điện tử đảm bảo an toàn đúng quy định; thực hiện đúng thời gian việc gia hạn các phần mềm để đảm bảo kịp thời trong thực hiện nhiệm vụ.

Phân khai nguồn tài chính để duy trì nâng cấp các phần mềm hàng năm và công tác bảo đảm an toàn an ninh các phần mềm trực tuyến dùng trong nhà trường.

5. Tự đánh giá:

STT	Chỉ số	Điểm số
-----	--------	---------

1	Quy chế sử dụng Hệ thống quản trị nhà trường (<u>Quy chế quản lí, sử dụng hệ thống quản trị trong nhà trường – Trung Học Phổ Thông Số 2 Tuy Phước</u>)	6
2	Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (https://vnedu.vn)	6
3	Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (https://vnedu.vn)	6
4	Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CB, GV, NV (https://quanlycbccvc.binhding.gov.vn ; https://vnedu.vn ; https://csdl.moet.gov.vn , https://quanlycbccvc.binhding.gov.v/n)	6
5	Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất (https://emisapp.misa.vn ; https://csdl.moet.gov.vn , https://quanlycbccvc.binhding.gov.vn ; tvthptso2tuyphuoc.vuc.vn)	8
6	Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh (https://vnedu.vn)	6
7	Có triển khai phân hệ quản lý kế toán (https://emisapp.misa.vn)	6
8	Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (https://truong.csdl.moet.gov.vn)	6
Tổng điểm: 50 – Đạt: Mức độ 2		

Tiêu chí: 2.4 Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã triển khai các phần mềm dịch vụ trực tuyến trong quản trị giáo dục. Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến cụ thể được đánh giá thông qua các dịch vụ sau đây:

Trường có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến qua việc ban hành Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025. Có ban hành kế hoạch số 12/KH-TP2 ngày 13/5/2024 về việc triển khai thực hiện tuyển sinh trực tuyến lớp 10, kế hoạch số 13/KH-TP2 ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc xác nhận học và đăng ký tuyển sinh trực tuyến. **[H2-2.4.01]:**

Nhà trường có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt. Ngay từ đầu năm học 2021-2022 đến nay, nhà trường đã tổ chức tuyên truyền, hợp đồng liên kết thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (**Agribank**) tới toàn thể phụ huynh học sinh, học sinh và đã bước đầu triển khai thực hiện. **[H2-2.4.02]:**

Ngoài ra, trường cũng có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường thông qua số liên lạc điện tử trên trang <https://vnedu.vn> của mạng truyền thông VNPT, lập zalo nhóm giữa phụ huynh học sinh với giáo viên chủ nhiệm các lớp.

Đường link truy cập các phần mềm quản lý tài sản <https://qltsapp.misa.vn>, phần mềm kế toán Misa mimosa online, phần mềm quản lý thu Misa EMis (thu học phí, học thêm...): emisapp.misa.vn

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt khá thuận lợi, nhận được sự đồng thuận của 100% phụ huynh học sinh. Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến phụ huynh học sinh được nhà trường triển khai hiệu quả.

Nhà trường đã triển khai phần mềm dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến đã đáp ứng được các yêu cầu của công tác quản lý, quản trị trong nhà trường, đảm bảo tính chính xác linh hoạt. Việc duy trì và sử dụng phần mềm quản lý

trường học, các phần mềm quản lý trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo an ninh, an toàn.

Nhà trường cũng có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường thông qua sổ liên lạc điện tử trên trang vnedu.vn của mạng truyền thông VNPT, lập zalo nhóm giữa phụ huynh học sinh với giáo viên chủ nhiệm các lớp. Giúp cho việc liên lạc giữa giáo viên chủ nhiệm đến phụ huynh học sinh được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng và mang lại hiệu quả cao.

3. Điểm yếu:

Việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng OTT Zalo còn gặp khó khăn ở một bộ phận nhỏ phụ huynh học sinh. Nguyên nhân chủ yếu là do, một bộ phận phụ huynh học sinh chưa có phương tiện hiện đại (điện thoại thông minh, máy tính...) để sử dụng ứng dụng. Do vậy, việc triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt cũng gặp khó khăn với một bộ phận phụ huynh học sinh này.

Chưa đánh giá được hiệu quả toàn diện trong việc ứng dụng chữ ký số, thanh toán điện tử.

4. Kế hoạch cải tiến:

Nhà trường định kỳ rà soát việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng OTT Zalo. Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin phản hồi của phụ huynh học sinh để việc sử dụng ứng dụng ngày càng hiệu quả.

Trong những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục triển khai, thực hiện công nghệ số trong công tác giáo dục và quản lý. Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến để phụ huynh học sinh trang bị phương tiện hiện đại đáp ứng điều kiện cần thiết sử dụng các ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt. Nhà trường phối hợp cùng với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn để tăng cường hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, vận động.

Nhà trường định kỳ rà soát việc triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường qua ứng dụng Zalo. Thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin phản hồi của phụ huynh học sinh để việc sử dụng ứng dụng ngày càng hiệu quả, ..

Đánh giá định kỳ hiệu quả triển khai và cải thiện những vấn đề tồn tại.

5. Tự đánh giá:

Chỉ số	Điểm số
Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.	9,0 điểm
Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt:	8,0 điểm
Tổng điểm: 17	

- Đạt: Mức độ 2

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:

Điểm mạnh:

BCĐ nhà trường luôn chú trọng công tác Chuyển đổi số trong nhà trường, triển khai kịp thời bằng hệ thống kế hoạch, hướng dẫn đúng theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với điều kiện của đơn vị; luôn huy động tối đa tất cả nguồn lực về CSVC và nhân lực để đảm bảo chất lượng công tác chuyển đổi số trong nhà trường.

Các thành viên trong BCĐ sử dụng cơ bản thành thạo ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. Có tính thần trách nhiệm trong công việc.

Điểm yếu:

- + Hạ tầng trang thiết bị CNTT cần được bổ sung và cung cấp kịp thời.
- + Một bộ phận phụ huynh học sinh chưa có phương tiện điện thoại hiện đại để sử dụng ứng dụng. Do đó, việc triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo

hình thức không dùng tiền mặt cũng gặp khó khăn với một bộ phận phụ huynh học sinh này.

Tổng điểm nhóm tiêu chí 2: 67 - Đạt mức độ: 2

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Năm học 2023 – 2024, là năm học đầu tiên nhà trường thực hiện tự đánh giá chuyển đổi số theo công văn số 3707/SGDĐT-VP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định về việc hướng dẫn triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch, quy chế, tổ chức tuyên truyền, quán triệt triển khai thực hiện đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và đã đạt kết quả bước đầu như sau:

- + Mức độ 1: Không
 - + Mức độ 2: 05 tiêu chí (45,5 %)
 - + Mức độ 3: 02 tiêu chí (18,2 %)
 - + Tiêu chí đánh giá đạt: 4 tiêu chí (36,3 %)
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức độ 2;
Cơ sở giáo dục đề nghị đạt mức độ chuyển đổi số: Mức độ 2.

Bình Định, ngày 30 tháng 12 năm 2024

Nơi nhận:

- Văn phòng SGDĐT (b/c);
- Ban chỉ đạo CDS;
- CB, GV, NV;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Xuân Phong

PHỤ LỤC
BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ MINH CHỨNG
CỦA TRƯỜNG THPT SỐ 2 TUY PHƯỚC

ST T	Tiêu chí	Điể m tối đa	Điểm thành phần	Mức độ	Ghi chú, minh chứng
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	100	55	Mức độ 2	
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)				- [H1-1.1-01]: Quyết định số 06/QĐCĐS-TP2 ngày 16/9/2023 về việc ban hành Quy chế dạy học trực tuyến , dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến trường THPT số 2 Tuy Phước. - [H1-1.1-02]: Kế hoạch số 03/KHCĐS-TP2 ngày 15 tháng 9 năm 2023 về việc dạy học trực tuyến dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến trường THPT số 2 Tuy Phước. - [H1-1.1-03]: Kế hoạch số 02/KHCĐS-TP2 ngày 10/9/2024 về việc dạy học trực tuyến dạy học trực tiếp kết hợp trực tuyến trường THPT số 2 Tuy Phước. -[H1-1.1-04]: Quyết định số 01/QĐHĐT-TP2 ngày 08 tháng 09 năm 2023 về việc phê duyệt Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024. -[H1-1.1-05]: Kế hoạch số 02 ngày 10/9/2023 về việc xây dựng kho học liệu số năm học 2023-2024
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				- [H1-1.2-01]: Quyết định số 02 ngày 12 tháng 9 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh trường THPT số 2 Tuy Phước năm học 2023-2024. - [H1-1.2-02]: Quyết định số 01/QĐCĐS-TP2, ngày 12 tháng 09 năm 2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức

					dạy và học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên, học sinh trường THPT số 2 Tuy Phước năm học 2024-2025.
1.3.	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp Google meet, Google Form, Google classroom, Azota	30	6 điểm	Mức độ 2	[H1-1.3-01]: Các trang web dạy học trực tuyến https://meet.google.com/ixc-tkzf-bnd https://zoom https://azota.vn/de-thi/cybok3 Địa chỉ bài giảng điện tử: https://web.archive.org/web/20240721010153/https://thptso2tuyphuoc.edu.vn/category/tai-nguyen/giao-an-dien-tu/giao-an-dien-tu-khoi-12/
	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua). - Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;		10 điểm		Các địa chỉ lấy bài của học sinh https://web.archive.org/web/20240618211539/https://thptso2tuyphuoc.edu.vn/category/tai-nguyen/de-thi/de-thi-khoi-12/ https://web.archive.org/web/20240721013944/https://thptso2tuyphuoc.edu.vn/category/tai-nguyen/de-thi/de-thi-khoi-11/ https://web.archive.org/web/20240618211247/https://thptso2tuyphuoc.edu.vn/category/tai-nguyen/de-thi/de-thi-khoi-10/

	(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.				
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	8 điểm	Mức độ 3	-[H1-1.1-04] -[H1-1.4-02]: Kế hoạch số 31 /KH-TP2 ngày 18/9/2023, về Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2023-2024. [H1-1.1-03]: Kế hoạch số 02 ngày 10/9/2023 về việc xây dựng kho học liệu số năm học 2023-2024 - [H1-1.4-04]:KH số 25/KHCDS-TP2 ngày 17/7/2024 về xây dựng kho dữ liệu số, học liệu elening - [H1-1.4-05] Học liệu điện tử https://bdh-thptso2tuyphuoc.k12online.vn/ https://web.archive.org/web/20240721010153/https://thptso2tuyphuoc.edu.vn/category/tai-nguyen/giao-an-dien-tu/giao-an-dien-tu-khoi-12/
1.5.	Có Kế hoạch kiểm tra đánh giá năm học 2023-2024 (có nội dung kiểm tra, đánh giá học tập trên phòng máy tính)	20	9 điểm	Mức độ 2	-[H1-1.5.01]: Quyết định số 05/QĐCDS-TP2 ngày 15/9/2023 về việc ban hành quy chế kiểm tra, đánh giá học sinh trên phòng máy tính năm học 2023-2024. - [H1-1.5.02]: Hồ sơ dữ liệu thực tế trên hệ thống phần mềm triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		0 điểm		

1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20	5 điểm	Mức độ 2	- [H1-1.6-01]: Danh sách GV có mã tài khoản trên hệ thống https://temis.csdl.edu.vn https://bdh-thptso2tuyphuoc.k12online.vn/ - 100% - Trên 60%
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học		7 điểm		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		3 điểm		
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyên đổi số dạy, học: - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	20	5 điểm	Mức độ 2	-[H1-1.7.01]: Kế hoạch quản lý, sử dụng thiết bị, thiết bị phụ trợ trong đó thể hiện việc khai thác, sử dụng cho các hoạt động giáo dục của nhà trường. Có sổ theo dõi, mượn trả của giáo viên, tổ chuyên môn . -[H1-1.7.02]: Hồ sơ quản lý, sử dụng: Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng dạy học có các thiết bị theo yêu cầu. - [H1-1.7.03]: Hóa đơn tiền thuê tên miền trang web,
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học		3 điểm		

	- Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		5 điểm		
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100	74	Mức độ 2	
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)				- [H2-2.1.01]: Quyết định số 07/QĐCĐS-TP2 ngày 16/9/2023 về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số Trường THPT số 2 Tuy Phước. - [H2-2.1.02]: Quyết định số 01/QĐCĐS-TP2 ngày 16/9/2024 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số Trường THPT số 2 Tuy Phước.
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				- [H2-2.2-01]: Kế hoạch số 04/KHCĐS-TP2 ngày 18/9/2023 về việc triển khai thực hiện ứng dụng CNTT , CĐS, TKGD năm 2023-2024. - [H2-2.2-02]: Kế hoạch số 26/KHCĐS-TP2 ngày 28/12/2023 về Chuyển đổi số của trường THPT số 2 Tuy Phước - năm 2024. - [H2-2.2-03]: Kế hoạch số 24 /KHCĐS-TP2 ngày 18/9/2024 về Thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CĐS và thống kê giáo dục năm 2024-2025. - [H2-2.2-04]: Báo cáo sơ kết thực hiện CNTT năm 2023-2024, 2024-2025.
2.3	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung	70	6 điểm	Mức độ 2	- [H2-2.3-01]: Quyết định số 03/QĐCĐS-TP2 ngày

cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê): - Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường			14/9/2023 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử trường THPT số 2 Tuy Phước năm học 2023-2024. - [H2-2.3-02] : Quyết định số 04/QĐCĐS-TP2 ngày 15/9/2023 về việc ban hành Quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường từ năm 2023-2024 trường THPT số 2 Tuy Phước. - [H2-2.3-03] : Quyết định số 08/QĐCĐS-TP2 ngày 18/9/2023 về việc kiện toàn Ban quản trị phần mềm quản lý trường học vnEdu năm học 2023-2024. - [H2-2.3-04] :QĐ ban hành quy chế quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử năm 2024-2025 <u>Quy chế quản lí, sử dụng hệ thống quản trị trong nhà trường – Trung Học Phổ Thông Số 2 Tuy Phước</u> https://vnedu.vn ; https://emisapp.misa.vn ; https://csdl.moet.gov.vn , https://quanlycbccvc.binhdingh.gov.vn ; https://quanlycbccvc.binhdingh.gov.vn ; https://thptso2tuyphuoc.edu.vn ;
- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	6điểm		
- Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	8điểm		
- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	6 điểm		
- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	6 điểm		
- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	6 điểm		
- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán	6điểm		
- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý)	6điểm		

					https://tvthptso2tuyphuoc.vuc.vn;
2.4	Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	30	17 điểm	Mức độ 3	- [H2-2.4.01]: Kế hoạch tuyển sinh đầu cấp trực tuyến năm học 2024-2025 - [H2-2.4.02]: Kế hoạch nhập học đầu cấp trực tuyến năm học 2024-2025 - [H2-2.4.03]: Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu hộ chi hộ số 40/2024/ARB.CN TUY PHƯỚC.